TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Ngọc Tuấn
2. Bà Trần Thị Hoài

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L; Sinh ngày 11/11/1986; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Nông Tr, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt có đơn xin xét xử).

Bị đơn: Anh Lê Quang M; Sinh ngày 12/9/1985; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Nông Tr, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2022 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày: Chị và anh Lê Quang M trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Văn Miếu, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ vào ngày 27/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 06 năm 2019, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được, chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Quang M để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ, chồng chị L, anh M có một con chung: Cháu Lê Quang T - Sinh ngày: 28/11/2012; Hiện nay cháu đang ở với vợ, chồng chị tại tổ 07, thị trấn Nông Tr, huyện V, tỉnh H. Ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L không anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh M không tạo lập được khối tài sản chung nào, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lê Quang M nhiều lần, nhưng anh M không đến Tòa án để làm việc. Ngày 21/02/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Qua xác minh cho thấy, anh Lê Quang M hiện tại vẫn có mặt tại địa phương, anh M đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và có quan điểm từ chối đến Tòa án để giải quyết. Mâu thuẫn vợ, chồng chị L và anh M là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được vì đương sự vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Trịnh Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 05 tháng 4 năm 2022. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Trịnh Thị L và các tài liệu kèm theo. Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh M.

Về phần con chung: Chị Trịnh Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giao cháu Lê Quang T - Sinh ngày: 28/11/2012 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Lê Quang M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lê Quang M vắng mặt không có lý do (Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" của chị Trịnh Thị L đối với anh Lê Quang M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Lê Quang M ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Quang T - Sinh ngày: 28/11/2012 cho chị Trịnh Thị L; Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Nông Tr, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 16/4/2022.

Anh Lê Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, công nợ: Chị L và anh M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo của đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trịnh Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết việc hôn nhân của chị L và anh M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn Trịnh Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lê Quang M vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử (HĐXX) mở phiên tòa để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Lê Quang M xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Văn Miếu, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ vào ngày 27/12/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống vợ, chồng chị L, anh M chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 06 năm 2019, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L có đơn xin ly hôn với anh M. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh M cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị L đối với anh Lê Quang M là phù hợp. Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị L nhận nuôi cháu Lê Quang T (theo nguyện vọng của cháu T) là phù hợp và bảo đảm cuộc sống cho cháu T vì chị L có công việc thu nhập ổn định, cháu còn nhỏ cần sự quan tâm, dạy dỗ của người mẹ. Do đó, cần giao cháu Lê Quang T, Sinh ngày: 28/11/2012 cho chị Trịnh Thị L; Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Nông Tr, huyện V, tỉnh H

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 15/4/2022. Anh Lê Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh M không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí**:** Chị Trịnh Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đồng thuận với Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị L và anh Lê Quang M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" của chị Trịnh Thị L đối với anh Lê Quang M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Lê Quang M ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Quang T, Sinh ngày: 28/11/2012 cho chị Trịnh Thị L - Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Nông Tr, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi kể từ ngày 15/4/2022.

Anh Lê Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002205 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (chị L đã nộp đủ án phí)

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Trịnh Thị L và anh Lê Quang M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều

7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND phường Văn M, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Xuân